TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 513/2024/HS-PT
Ngày: 05/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thái Duy Nhiệm;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 501/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024; do có kháng cáo của bị hại bà Đoàn Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

* *Bị cáo liên quan đến nội dung kháng cáo:*

Đoàn Thị Vân A, tên gọi khác: Không; sinh năm 1987 tại Hà Nam;

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Hồng Q, sinh năm 1961 và bà Đỗ Thị O, sinh năm 1962; có chồng Nguyễn Minh H, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 03/7/2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt.

* *Bị hại có kháng cáo:*

Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1974, vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam.

** Người làm chứng được Tòa án triệu tập:* Ông Trần Văn T1, sinh năm 1989, vắng mặt.

Ngoài ra còn có: Một số bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không tiệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 7/2022, Đoàn Thị Vân A đã đưa ra thông tin gian dối, chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng số tiền là 2.469.190.000đ, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Tháng 3/2022, Vân A môi giới để vợ chồng anh Nguyễn Công V, chị Trần Thị V1 chuyển nhượng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại tổ dân phố H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam cho bà Trịnh Thị P với giá 1 tỷ 350 triệu đồng. Hợp đồng chuyển nhượng được lập tại Văn phòng C2; địa chỉ tại: Thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Khi soạn thảo Hợp đồng chuyển nhượng, Công chứng viên ghi nhầm "số vào sổ cấp" của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào hợp đồng nên đã bỏ bản hợp đồng này đi thì Vân A cầm mang về. Sau khi làm xong Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 183, bà P đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên và uỷ quyền cho Vân A làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà P. Lúc này, Vân A có ý định mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 183 đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Vân A đã tự soạn thảo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 25/4/2022 (dựa theo nội dung bản hợp đồng bị lỗi mà Vân A giữ lại trước đó). Sau đó, Vân A giả mạo chữ ký của vợ chồng anh V, tự điểm chỉ vào mục "Bên nhận chuyển nhượng" và phôtô bản hợp đồng này rồi chụp ảnh gửi qua tài khoản Zalo cho anh Lê Tiến T2.

Theo lời khai của Vân A: Bị cáo nói với anh T2 thửa đất số 183 thuộc quyền sở hữu của Vân A, bị cáo đã nhận chuyển nhượng và thủ tục đang treo tại Phòng C3, nay muốn cầm cố cho anh T2 để vay số tiền 800 triệu đồng. Tin tưởng Vân A nên ngày 19/5/2022, anh T2 đã cho bị cáo vay số tiền 800 triệu đồng, nhận được tiền bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/6/2022, thông qua việc anh T2 môi giới, Vân A đồng ý chuyển nhượng thửa đất số 183 cho anh Phạm Quốc C với giá 1 tỷ 550 triệu đồng. Do Vân A đang nợ anh T2 số tiền 800 triệu đồng nên các bên thoả thuận, anh C đưa cho anh T2 số tiền 850 triệu đồng (gồm 800 triệu đồng tiền nợ và 50 triệu đồng tiền lãi bán đất); anh T2 đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 183 cho anh C và hẹn sau 01 tháng, khi Vân A làm xong thủ tục chuyển nhượng thì anh C sẽ thanh toán hết số tiền còn lại. Đến hẹn nhưng không thấy Vân A làm thủ tục chuyển nhượng của thửa đất số 183 nên anh C đã làm đơn gửi Công an tỉnh H để giải quyết.

Vụ thứ hai: Ngày 08/4/2022, anh Trịnh Đức T3 đã môi giới để chị Vũ Thị Y chuyển nhượng thửa đất số 228, tờ bản đồ số PL3 tại tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam cho chị Ngô Thị Thanh H1 với giá 1 tỷ 530 triệu đồng.

Thủ tục chuyển nhượng được lập tại Văn phòng C4, địa chỉ tại: Số D đường T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Tại thời điểm này, do chị H1 chưa có căn cước công dân và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nên đã bảo Công chứng viên là chị Trần Thị H2 thiết lập Hợp đồng chuyển nhượng nhưng để trống các nội dung tại mục "Bên nhận chuyển nhượng". Do vậy, hợp đồng chuyển nhượng này chỉ có chữ ký của chị Y, không có chữ ký của chị H1 và không có lời chứng của Công chứng viên.

Sau đó vài ngày, anh T3 cùng bị cáo, chị Trần Thị Hương G và anh Trần Văn T1 gặp nhau, thống nhất cùng nhau góp tiền để mua lại thửa đất số 228 của chị H1 với giá 1 tỷ 550 triệu đồng mục đích để bán kiếm lời; Vân A đứng ra đại diện cả nhóm để làm việc với chị H1. Ngày 20/4/2022, chị H1 đồng ý chuyển nhượng thửa đất số 228 cho Vân A với giá 1 tỷ 550 triệu đồng và thông báo cho Văn phòng C4 biết việc chị H1 đã chuyển nhượng thửa đất 228 cho Vân A. Tại Văn phòng C4, chị H2 yêu cầu Vân A cung cấp thông tin để hoàn thiện Hợp đồng chuyển nhượng nhưng Vân A nói chồng Vân A đi vắng, hẹn 1 tuần sau sẽ đến Văn phòng để hoàn thiện Hợp đồng chuyển nhượng.

Đến ngày 21/4/2022, nhóm của Vân A đã chuyển nhượng thửa đất số 228 cho anh Vũ Đức H3 với giá 1 tỷ 610 triệu đồng (anh H3, anh T1 cùng góp vốn và thống nhất anh T1 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để chủ động bán kiếm lời) nhưng Vân A không thông báo việc chuyển nhượng này cho Văn phòng C4 biết.

Ngày 06/5/2022, tại Văn phòng B; địa chỉ tại: Số nhà C đường T, tổ I, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, Vân A môi giới để anh T1 chuyển nhượng thửa đất số 228 cho bà Đoàn Thị T với giá 1 tỷ 660 triệu đồng, đặt cọc trước 50 triệu đồng. Ngày 21/5/2022, bà T đưa tiếp cho anh T1 số tiền 1 tỷ 560 triệu đồng, lúc này anh T3 viết Giấy biên nhận đề ngày 21/5/2022 với nội dung: Anh T1 đã bán thửa đất số 228 cho bà T và đã nhận đủ số tiền 1 tỷ 660 triệu đồng. Sau đó, bà T, anh T1 và anh T3 đều ký vào giấy biên nhận; anh T1 đưa cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228 và thống nhất Vân A sẽ giúp bà T làm thủ tục sang tên, bà T đồng ý. Sau khi chuyển nhượng thửa đất trên, anh T1 và bà T đều không thông báo việc chuyển nhượng này cho Văn phòng C4 biết.

Theo lời khai của Vân A: Ngày 30/5/2022, bị cáo đặt vấn đề với anh Vũ Minh C1 thế chấp thửa đất số 228 của Vân A để vay số tiền 1 tỷ đồng. Anh C1 đồng ý và yêu cầu Vân A làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 228 cho anh C1, khi nào Vân A trả hết nợ thì sẽ huỷ bỏ hợp đồng, bị cáo đồng ý. Ngày 31/5/2022, Vân A lấy lý do cho khách xem đất để mượn bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228, bà T đồng ý. Có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228, Vân A đến Văn phòng C4 làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 228 cho anh C1 và thỏa thuận khi nào bán được thửa đất số 228 thì sẽ trả tiền cho anh C1. Do vậy, anh C1 đã đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228 lại cho Vân A. Lúc này, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 228 thiết lập ngày 08/4/2022 đã có chữ ký của chị Y vẫn đang lưu tại Văn phòng C4. Do vậy, Văn phòng C4 đã thực hiện việc công chứng (lời chứng đề ngày 31/5/2022) đối với Hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất của thửa đất số 228. Sau khi nhận được tiền, Vân A đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Ngày 01/6/2022, bị cáo trả lại bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Đầu tháng 7/2022, Vân A nói với bà Nguyễn Thị M là có thửa đất số 228 của khách gửi, muốn bán với giá 1 tỷ 850 triệu đồng. Sau đó, Vân A sử dụng tài khoản Zalo gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228 đến tài khoản Zalo của bà M và dẫn bà M đi xem vị trí của thửa đất này. Bà M đã cùng vợ chồng anh Phạm Văn P1 và chị Lại Thị D thống nhất góp tiền mua đất số 228. Ngày 08/7/2022, Vân A tiếp tục lấy lý do khách muốn mua thửa đất số 228 để mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228, bà T đồng ý. Sau đó, Vân A đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228 cho anh C1 để làm thủ tục biến động đất.

Ngày 12/7/2022, anh C1 làm xong thủ tục biến động về quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 228 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P. Cùng ngày, Vân A thông báo với anh C1 là có khách muốn mua thửa đất 228 và bảo anh C1 ra Văn phòng C5; địa chỉ tại: Số G, đường N, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam để làm thủ tục chuyển nhượng và vợ chồng anh P1 ủy quyền cho Vân A làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất của thửa đất số 228. Sau khi nhận đủ số tiền 1 tỷ 850 triệu đồng, Vân A trả anh C1 1 tỷ đồng, số tiền còn lại đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 25/8/2022, Vân A giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228 mang tên vợ chồng anh P1 cho anh P1. Hiện vợ chồng anh P1 đang đứng tên và giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

Bà T đã nhiều lần yêu cầu Vân A trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 228 nhưng Vân A đều đưa ra các lý do để trì hoãn. Bà T tìm hiểu và được biết Vân A đã bán thửa đất số 228. Bà T trực tiếp gặp thì Vân A thỏa thuận sẽ trả trước số tiền 730 triệu đồng; đồng thời, đưa cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 289 tại C, thành phố P, tỉnh Hà Nam, khi nào bán được thửa đất này thì sẽ trả số tiền 1 tỷ đồng còn lại cho bà T, bà T đồng ý. Vân A viết giấy biên nhận và giao cho bà T giữ. Tuy nhiên sau đó, Vân A không trả cho bà T số tiền 730 triệu đồng, không đưa cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 289 như thỏa thuận. Đến nay, Vân A mới trả cho bà T được số tiền 160 triệu đồng. Bà T làm đơn gửi Công an tỉnh H để giải quyết.

Tại bản Kết luận giám định số 381/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng K - Công an tỉnh H, kết luận: *"Dấu vết dạng đường vân ký hiệu A2 với dấu vân tay in trên chỉ bản ký hiệu M không phải của cùng một người; dấu vết dạng đường vân ký hiệu A1 với dấu vân tay in trên chỉ bản ký hiệu M là của cùng một người"*.

Tại bản Kết luận giám định số 381/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng K - Công an tỉnh H, kết luận: *"Chữ ký đứng tên Đoàn Thị Vân A dưới mục "Người nhận tiền", "Người viết" và chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Đoàn Thị Vân A trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra"*.

Tại bản Kết luận giám định số 929/KL-KTHS ngày 29/12/2023 của Phòng K - Công an tỉnh H, kết luận:

"Chữ ký đứng tên Trịnh Đức T3, chữ viết "Trịnh Đức T3" dưới mục "NGƯỜI LÀM CHỨNG" và chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Trịnh Đức T3 trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký đứng tên Đoàn Thị T và chữ viết "Đoàn Thị T" dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Đoàn Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu từ M10, M11 do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký đứng tên Trần Văn T1 và chữ viết "Trần Văn T1" dưới mục "BÊN B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Trần Văn T1 trên mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M9 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tỉnh Hà Nam, kết luận: *"Thửa đất số 228, tờ bản đồ PL3, địa chỉ tại tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam tại thời điểm tháng 5/2022 có giá 1.619.190.000 đồng".*

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST, ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định;

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 35; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 136; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thị Vân A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo Đoàn Thị Vân A 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2023 và phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Thị Vân A phải bồi thường cho bà Đoàn Thị T số tiền 1.459.190.000 đồng.

Bản án còn quyết định các nội dung khác liên quan đến vụ án, xử lý vật chứng, buộc nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/4/2024 bị hại là bà Đoàn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm là ông Trần Văn T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết là đúng, mức hình phạt là phù hợp nên bị cáo không kháng cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho rằng, cấp sơ thẩm quy kết như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật; giữa bị cáo Đoàn Thị Vân A với ông Trần Văn T1 không có sự bàn bạc, thống nhất với nhau việc phạm tội; việc bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T1 hoàn toàn tự nguyện, ông T1 đã bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T; sau đó một thời gian bị

cáo mới mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi sang tên, chuyển nhượng cho người khác, ông T1 hoàn toàn không biết, không được hưởng lợi ích vật chất gì.

Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 03/7/2024 bà Đoàn Thị T có đơn yêu cầu mời người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình, Tòa án có nhận được thủ tục của Luật sư, nhưng chưa công nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Đoàn Thị T vắng mặt không có lý do; xét thấy việc vắng mặt của bà T không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Thị Vân A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật nên bị cáo không kháng cáo. Do bị cáo không kháng cáo, không có kháng cáo, kháng nghị liên quan đến bị cáo nên phần bản án liên quan đến bị cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bị hại là bà Đoàn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định, giữa bà Đoàn Thị T và ông Trần Văn T1 thỏa thuận, bà T nhận chuyển nhượng thửa đất số 228, tờ bản đồ số PL3 tại tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam từ ông Trần Văn T1. Ngày 21/5/2022, sau khi nhận đủ tiền chuyển nhượng thửa đất số 228 từ bà Đoàn Thị T, các bên đã ký giấy biên nhận, ông T1 đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 228 cho bà T quản lý và thông tin tình trạng pháp lý của hồ sơ chuyển nhượng thửa đất nêu trên để bà T biết. Tại thời điểm chuyển nhượng thửa đất vẫn đứng tên Vũ Thị Y; bà T biết nhưng vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng, sau khi thanh toán đủ tiền ông Trần Văn T1 thì giữa bà T, ông T1, ông Trung lập giấy biên nhận tiền và ông T1 đã bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị Y cho bà T; sau đó thông qua bị cáo Đoàn Thị Vân A, bà T đồng ý chuyển nhượng thửa đất nêu trên. Lấy lý do để khách xem đất, ngày 08/7/2022 Đoàn Thị Vân A đã mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà T, sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đoàn Thị Vân A đã mang đi thế chấp cho ông C1 để vay tiền; sau đó bị cáo đã tự ý chuyển nhượng thửa đất này cho người khác lấy tiền trả ông C1 và tiêu xài cá nhân. Như vậy, việc bị cáo Đoàn Thị Vân A đã dùng thủ đoạn gian dối khi bà Đoàn Thị T đã nhận chuyển nhượng thửa đất, không liên quan gì đến ông Trần Văn T1. Ngoài ông T1 thì bà T cũng có lỗi khi không kiểm tra, không trực tiếp thông báo giao dịch này cho Văn phòng C4 biết. Hơn nữa, bà T còn tin tưởng cho Vân A mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 228, là một trong những cơ hội để Vân A lợi dụng chiếm đoạt thửa đất nêu trên. Ông Trần Văn T1 không trao đổi, không biết việc

Vân A đã sử dụng các thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà T; ông T1 không được hưởng bất cứ lợi ích gì từ V. Do vậy, chưa đủ căn cứ để quy kết trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Văn T1, nên kháng cáo của bà Đoàn Thị T không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, nếu có đủ căn cứ thì bà Đoàn Thị T có quyền tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại là bà Đoàn Thị T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bà Đoàn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Toà án ND tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Bà Đoàn Thị T (theo địa chỉ);
- Bị cáo (qua trại giam);
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm